TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57/2024**/HS-ST
Ngày: 15/03/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hùng Lâm**
Các Hội thẩm nhân dân: *1/* Ông **Trần Đức Anh**
2/ Bà **Phan Thị Thùy Tiên**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Hà My** – Thư ký Toà án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:* Bà **Dương Thị Hòa** - Kiểm sát viên.

Ngày 15/03/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/TLST-HS ngày 06/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HS ngày 16/02/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Hương N -** Sinh ngày: 20/7/2002; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số 4A ngách 3/14 phố N, phường N, quận T, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn T (sinh năm 1974); Con bà: Dương Thị Mai P (sinh năm 1976); Bị cáo là con cả trong gia đình 2 chị em; Chồng: Trần Quang T (sinh năm 2000); Có 01 con sinh năm 2023.

Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa)

2.Họ và tên: **Phùng Thị Thanh T -** Sinh ngày: 24/7/2003**;** Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký thường trú: Thôn Y, xã P, huyện B, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Phùng Văn H (sinh năm 1980); Con bà: Phùng Thị C (sinh năm 1983); Bị cáo là con cả trong gia đình 3 chị em.

Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa)

3.Họ và tên: **Nguyễn Thị Thanh H -** Sinh ngày: 09/7/2001; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký thường trú: thôn Ph, xã Ph, huyện H, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn T (sinh năm 1975); Con bà: Nguyễn Thị L (sinh năm 1980); Bị cáo là con út trong gia đình 2 chị em

Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Anh **Đoàn Văn H**– sinh ngày: 21/11/1988 và chị **Hoàng Thị X**– Sinh ngày: 08/09/1988; Đều đăng ký thường trú tại: Xã N, huyện H, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: 35BT2 phố B, phường H, quận H, thành phố H.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hương N, Phùng Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh H là nhân viên của cửa hàng Vinamart địa chỉ tại số 67 phố Q, phường N, quận T, thành phố H do anh Đoàn Văn H (sinh năm 1988, HKTT: xã N, tỉnh T) và vợ là chị Hoàng Thị X (sinh năm 1988, HKTT: xã N, tỉnh T) làm chủ cửa hàng. Từ tháng 11 năm 2022, N làm nhân viên thu ngân từ 07 giờ đến 12 giờ hàng ngày, T làm nhân viên thu ngân từ 12 giờ đến 18 giờ hàng ngày và làm nhân viên dọn dẹp, xếp hàng hóa từ 8 giờ đến 12 giờ hàng ngày, H làm nhân viên dọn dẹp, sắp xếp hàng hóa. Sau khi hết ca thu ngân, N về và bàn giao lại việc thu ngân cho T. Khi T hết ca thì lại bàn giao lại cho nhân viên khác.

Quá trình quản lý cửa hàng tháng 11 và tháng 12 năm 2022, Anh H và Chị X thấy bị thiếu hụt tiền nên đã theo dõi, kiểm tra dữ liệu camera và dữ liệu hàng hoá, phát hiện Nguyễn Hương N có hành vi chiếm đoạt tiền của cửa hàng. Khoảng 11 giờ 30 ngày 05/01/2023, Anh H đến cửa hàng, lúc này N hết ca và chuẩn bị ra về thì Anh H yêu cầu N quay lại và mở balo mà N đang đeo để kiểm tra. Quá trình kiểm tra, phát hiện bên trong cặp sách N đang đeo có 01 quyển vở kẹp 01 phong bì có 4.000.000 đồng gồm 8 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. N khai nhận số tiền trên là số tiền lấy tại quầy thu ngân trong ca làm việc của mình. Sau đó, Anh H đã báo cơ quan công an đến và đưa tất cả về trụ sở làm việc.

Cơ quan Công an thu giữ của Nguyễn Hương N:

-1 quyển sách khổ giấy A4, ngoài bìa có in chữ "Zenlish học Toiec 1 làn là đạt"

- 01 chiếc cặp giả da màu đen bạc, kích thước 38cmx32cm.

- 01 phong bì bên trong có 4.000.000 đồng

Thu giữ của anh Đoàn Văn H 01 ổ cứng lưu giữ liệu hình ảnh camera tại cửa hàng từ ngày 12/12/2022 đến ngày 05/01/2023. Kết quả kiểm tra dữ liệu camera, dữ liệu phần mềm bán hàng tại cửa hàng Vinamart từ ngày 12/12/2022 đến ngày 05/1/2023 xác định được: N đã 15 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của cửa hàng Vinamart như đã nêu trên với tổng số tiền 69.554.000 đồng.

Căn cứ vào tài liệu thu thập ban đầu, ngày 10/3/2023, Cơ quan điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Hương N về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự và ngày 27/6/2023 khởi tố bị can Phùng Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh H về tội Che dấu tội phạm quy định tại Điều 389 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Hương N và Phùng Thị Thanh T khai nhận: Lợi dụng việc Anh H và Chị X thường xuyên không kiểm tra các sản phẩm mua vào, sản

phẩm bán ra tại cửa hàng, từ tháng 11/2022 N và T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền tại cửa hàng nên N và T đã bàn bạc, thống nhất và trao đổi với nhau về cách chiếm đoạt tiền như sau: Mỗi ngày sẽ có 1 số đơn hàng khi bán cho khách, T và N không in hóa đơn cho khách rồi tự xóa thông tin đơn hàng trên hệ thống quản lý của cửa hàng để chiếm đoạt số tiền đã bán cho khách, ca của ai làm thu ngân thì người đó tự chủ động chiếm đoạt tiền. Mỗi lần chiếm đoạt được, T thường chia cho H một nửa. Do ca làm của T ngay sau ca làm của N nên N bảo T khi N chốt ca với T mà có số tiền thực tế ít hơn số tiền trên hệ thống thì nhờ T xóa đơn hàng bù vào cho N và giúp để N khắc phục tiền chênh lệch. Do đó, hết ca làm, N chỉ thực hiện việc chốt ca riêng với T rồi sau khi hết ca của T, T sẽ thực hiện việc chốt ca chung của N và T trên hệ thống.

N chỉ chốt ca của N với T, còn với hệ thống hàng T sẽ thực hiện chốt ca một lần chung cả ca của N và ca của T.

Ban đầu, N chiếm đoạt mỗi ngày khoảng 100.000 đồng đến 200.000 đồng, tổng số tiền N chiếm đoạt được là 5.000.000 đồng. Từ ngày 12/12/2022 đến ngày 05/1/2023 mỗi ngày N chiếm đoạt khoảng 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng bằng hình thức: Khi đi làm N sẽ mang theo một cặp sách, bên trong có 1 quyển sổ cá nhân, buổi sáng khi nhận ca, N tự chủ động lấy ra một số tiền nhất định khoảng từ 3.000.000 đồng đến 6.000.0000 đồng gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng cho vào 1 phong bì, sau đó N để cho phong bì trên rơi xuống tủ ở dưới gầm bàn, cạnh chân rồi khi thích hợp N sẽ lấy chiếc phong bì kẹp vào quyển sổ cá nhân của N và cất vào cặp sách của mình để chiếm đoạt. Trong ca làm thu ngân của mình, N sẽ chủ động không in và xóa các đơn hàng trên hệ thống tương ứng với số tiền đã chiếm đoạt từ đầu giờ sáng. Với số tiền chiếm đoạt được N chia cho T 700.000 đồng làm nhiều lần khác nhau. Toàn bộ hành vi chiếm đoạt nêu trên của N đã được camera an ninh tại cửa hàng ghi lại. Cụ thể các ngày N chiếm đoạt như sau:

+ Ngày 12/12/2022, N lấy 4.000.000 đồng (gồm 8 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) cho vào phong bì, khi chốt ca, số tiền trong quầy thu ngân lớn hơn số tiền trên hệ thống 83.500 đồng nên N lấy thêm ra 83.500 đồng. Như vậy ngày 12/12/2022 N chiếm đoạt 4.083.500 đồng

+ Ngày 13/12/2022, N lấy 4.500.000 đồng (gồm 9 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) cho vào phong bì, khi chốt ca, số tiền trong quầy thu ngân ít hơn số tiền trên hệ thống 419.000 đồng nên N phải bù vào 419.000 đồng. Như vậy ngày 13/12/2022 N chiếm đoạt 4.081.000 đồng.

+ Ngày 15/12/2022, N lấy 4.500.000 đồng (gồm 9 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) cho vào phong bì, khi chốt ca, số tiền trong quầy thu ngân nhiều hơn số tiền trên hệ thống 149.000 đồng nên N lấy thêm 149.000 đồng. Như vậy ngày 15/12/2022 N chiếm đoạt 4.649.000 đồng.

+ Ngày 16/12/2022, N lấy 5.000.000 đồng (gồm 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) cho vào phong bì, khi chốt ca, số tiền trong quầy thu ngân nhiều hơn số tiền trên hệ thống 204.000 đồng nên N lấy thêm 204.000 đồng. Như vậy ngày 16/12/2022 N chiếm đoạt 5.204.000 đồng.

+ Ngày 17/12/2022, N lấy 5.000.000 đồng (gồm 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) cho vào phong bì, khi chốt ca, số tiền trong quầy thu ngân ít hơn số tiền trên hệ

thống 98.000 đồng nên N phải bù vào 98.000 đồng. Như vậy ngày 17/12/2022 N chiếm đoạt 4.902.000 đồng.

+ Ngày 18/12/2022, N lấy 5.000.000 đồng (gồm 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) cho vào phong bì, khi chốt ca, số tiền trong quầy thu ngân nhiều hơn số tiền trên hệ thống 401.500 đồng nên N lấy thêm 401.500 đồng. Như vậy ngày 18/12/2022 N chiếm đoạt 5.401.500 đồng.

+ Ngày 21/12/2022, N lấy 4.500.000 đồng (gồm 9 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) cho vào phong bì, khi chốt ca, số tiền trong quầy thu ngân ít hơn số tiền trên hệ thống 248.500 đồng nên N phải bù vào 248.500 đồng. Như vậy ngày 21/12/2022 N chiếm đoạt 4.251.500 đồng.

+ Ngày 22/12/2022, N lấy 4.500.000 đồng (gồm 9 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) cho vào phong bì, khi chốt ca, số tiền trong quầy thu ngân nhiều hơn số tiền trên hệ thống 279.500 đồng nên N lấy thêm 279.500 đồng. Như vậy ngày 12/12/2022 N chiếm đoạt 4.779.500 đồng.

+ Ngày 23/12/2022, N lấy 4.500.000 đồng (gồm 9 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) cho vào phong bì, khi chốt ca, số tiền trong quầy thu ngân nhiều hơn số tiền trên hệ thống 143.000 đồng nên N lấy thêm 143.000 đồng. Như vậy ngày 23/12/2022 N chiếm đoạt 4.643.000 đồng.

+ Ngày 24/12/2022, N lấy 5.000.000 đồng (gồm 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) cho vào phong bì, khi chốt ca, số tiền trong quầy thu ngân nhiều hơn số tiền trên hệ thống 574.500 đồng nên N lấy thêm 574.500 đồng. Như vậy ngày 14/12/2022 N chiếm đoạt 5.574500 đồng.

+ Ngày 25/12/2022, N lấy 6.000.000 đồng (gồm 12 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) cho vào phong bì, khi chốt ca, số tiền trong quầy thu ngân nhiều hơn số tiền trên hệ thống 101.000 đồng nên N lấy thêm 101.000 đồng. Như vậy ngày 25/12/2022 N chiếm đoạt 6.101.000 đồng.

+ Ngày 26/12/2022, N lấy 4.000.000 đồng (gồm 8 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) cho vào phong bì, khi chốt ca, số tiền trong quầy thu ngân nhiều hơn số tiền trên hệ thống 183.000 đồng nên N lấy thêm 183.000 đồng. Như vậy ngày 26/12/2022 N chiếm đoạt 4.183.000 đồng.

+ Ngày 28/12/2022, N lấy 4.000.000 đồng (gồm 8 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) cho vào phong bì, khi chốt ca, số tiền trong quầy thu ngân ít hơn số tiền trên hệ thống 127.500 đồng nên N phải bù vào 127.500 đồng. Như vậy ngày 28/12/2022 N chiếm đoạt 3.872.500 đồng.

+ Ngày 03/01/2023, N lấy 4.000.000 đồng (gồm 8 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) cho vào phong bì, khi chốt ca, số tiền trong quầy thu ngân ít hơn số tiền trên hệ thống 172.000 đồng nên N phải bù vào 172.000 đồng. Như vậy ngày 03/01/2023 N chiếm đoạt 3.828.000 đồng.

+ Ngày 5/1/2023 N đã chiếm đoạt 4.000.000 đồng cho vào phong bì và kẹp trong quyển sổ cất trong balo nhưng chưa kịp về thì bị Anh H phát hiện và bắt quả tang, giao nộp cho cơ quan Công an giải quyết.

Như vậy tổng số tiền N chiếm đoạt tại cửa hàng của Anh H, Chị X từ ngày 12/12/2022 đến ngày 05/01/2023 là 69.554.000 đồng.

Phùng Thị Thanh T khai phù hợp với lời khai của N: Cùng thủ đoạn chiếm đoạt của N, từ tháng 11 năm 2022, T thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của cửa hàng, mỗi ngày T chiếm đoạt từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Tổng số tiền T chiếm đoạt là 4.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được T đã ăn tiêu hết và cho H một ít. Việc T và N chiếm đoạt tiền của cửa hàng không báo gì với H.

Nguyễn Thị Thanh H khai: H làm nhân viên lau dọn tại cửa hàng, H không có nhiệm vụ thu ngân mà thỉnh thoảng T có việc đi ra ngoài thì nhờ H làm giúp một lúc. H không thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của cửa hàng. Thời gian đầu H hay được T nhờ H đi đổi tiền giúp và cho H vài chục đến 100.000 đồng. Sau đó, T cũng nhiều lần cho tiền Hoa, tổng số tiền T cho H là 2.000.000 đồng, N không cho tiền H. Ban đầu H không biết tiền T cho là tiền gì, sau này H biết tiền T cho là tiền do T chiếm đoạt tại cửa hàng. H không được N và T bàn bạc gì về việc chiếm đoạt tiền của cửa hàng. Tuy nhiên, sau đó, H biết T và N có hành vi chiếm đoạt tiền tại cửa hàng bằng hình thức khi bán hàng cho khách không in hóa đơn bán hàng để chiếm đoạt nhưng không thông báo cho chủ cửa hàng hoặc cơ quan Công an. Số tiền T cho H đã chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra vụ án N và T khai nhận đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của cửa hàng, T và N có sự trao đổi, bàn bạc trước đó về việc chiếm đoạt tiền tại cửa hàng và chia nhau, sau đó N có chia cho T nhiều lần với tổng số tiền là 700.000 đồng; T và N không thực hiện việc chốt ca riêng trên hệ thống mà thực hiện việc chốt ca chung giữa ca của N và ca của T và T giúp N khắc phục số tiền chênh lệch do hành vi chiếm đoạt tiền gây ra. Việc N và T chiếm đoạt tiền không bàn bạc, phân công cụ thể gì với Hoa. Do đó N và T đồng phạm về hành vi chiếm đoạt tiền tại của hàng. Bị can N phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ số tiền hai bị can đã chiếm đoạt là N 78.554.000 đồng, bị can T do đến ngày 31/12/2022 bắt đầu nghỉ việc tại cửa hàng nên bị can T phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền các bị can đã chiếm đoạt tính đến ngày 30/12/2022 là 70.726.000 đồng. Do vậy, ngày 31/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Xuân thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với Phùng Thị Thanh T từ tội Che giấu tội phạm quy định tại Điều 389 Bộ luật hình sự thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Thị Thanh H không được bàn bạc, phân công vai trò gì với N và T về việc chiếm đoạt tiền, ban đầu H được T nhờ đi đổi tiền rồi sau đó thường cho H từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, H không biết tiền T cho H là tiền do T chiếm đoạt tại cửa hàng nhưng sau đó H cũng biết được tiền T cho H là tiền do T chiếm đoạt tại cửa hàng nhưng H đã không thông báo cho chủ cửa hàng hoặc cơ quan Công an. Do đó xác định hành vi của H là không tố giác tội phạm, H không có vai trò đồng phạm với N và T về hành vi chiếm đoạt tiền nêu trên. Ngày 31/10/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Xuân thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Thanh H từ tội che giấu tội phạm quy định tại Điều 389 Bộ luật hình sự thành tội Không tố giác tội phạm quy định tại Điều 390 Bộ luật hình sự.

Về dân sự: Anh H yêu cầu bị can N và T bồi thường 200.000.000 đồng. Quá trình điều tra vụ án bị can N đã nộp 62.000.000 đồng khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số 274/CT-VKS ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Hương N và bị

cáo Phùng Thị Thanh T về tội: **Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản** theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự, Truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thanh H về tội: Không tố giác tội phạm theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo Nguyễn Hương N bị cáo Phùng Thị Thanh T và bị cáo Nguyễn Thị Thanh H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và khẳng định không bị oan. Bị cáo N và bị cáo T thỏa thuận tự bồi thường về số tiền mình đã chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo H bồi thường. Bị cáo N sẽ bồi thường 73.554.000 đồng, bị cáo T bồi thường 5.000.000 đồng.

- Người bị hại đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị cáo T đã tự nguyện bồi thường cho Anh H và Chị X 25.000.000 đồng, tại phiên tòa Anh H và Chị X có quan điểm không yêu cầu bị cáo T và bị cáo H bồi thường gì khác và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và bị cáo Hoa. Riêng bị cáo N chiếm đoạt số tiền 73.554.000 đồng, đã tự nguyện nộp bồi thường số tiền 62.000.000 đồng, cơ quan công an bắt quả tang thu giữ 4.000.000 đồng, còn thiếu số tiền 7.554.000 đồng. Người bị hại đề nghị HĐXX buộc bị cáo N tiếp tục hoàn trả số tiền còn thiếu trên và xét xử bị cáo N nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Hương N và bị cáo Phùng Thị Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phạm tội: Không tố giác tội phạm theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b,n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hương N mức án từ 30 tháng đến 36 Tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 xử phạt bị cáo Phùng Thị Thanh T mức án từ 24 tháng đến 30 Tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời giản thử thách từ 48 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh H mức án từ 08 tháng đến 10 Tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời giản thử thách từ 16 đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp:

+ Buộc bị cáo H nộp truy thu số tiền 2.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước.

+ 1 quyển sách khổ giấy A4, ngoài bìa có in chữ "Zenlish học Toiec 1 lần là đạt" không giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 chiếc cặp giả da màu đen bạc, kích thước 38cmx32cm không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng) trả cho vợ chồng Anh H

Về phần dân sự: Bị hại đã nhận số tiền 25.000.000 đồng bồi thường của chị T và không yêu cầu chị T, chị H bồi thường số tiền đã chiếm đoạt mà chỉ yêu cầu chị N phải bồi thường nốt số tiền 7.554.000 đồng đã chiếm đoạt. Vì vậy Chị N có nghĩa vụ phải bồi thường tiếp số tiền chiếm đoạt còn thiếu là 7.544.000 đồng cho vợ chồng Anh H .

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, VKS truy tố bị cáo là đúng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Thanh Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Xét lời khai nhận tội của các Nguyễn Hương N, bị cáo Phùng Thị Thanh T và bị cáo Nguyễn Thị Thanh H tại phiên toà phù hợp với lời khai của tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, bản kết luận giám định, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đã truy tố, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Hương N và Phùng Thị Thanh T là nhân viên bán hàng và thu ngân tại cửa hàng Vinamart địa chỉ tại số 67 Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội do anh Đoàn Văn H và vợ là chị Hoàng Thị X là chủ cửa hàng (N làm ca từ 7 giờ đến 12 giờ; T từ 12 giờ đến 18 giờ). Trong thời gian làm việc, lợi dụng sự tín nhiệm của Anh H và Chị X , T và N đã cùng nhau chiếm đoạt tiền của cửa hàng với thủ đoạn: Khi có 1 số đơn hàng bán cho khách, T và N không in hóa đơn rồi tự xóa thông tin đơn hàng trên hệ thống quản lý của cửa hàng để chiếm đoạt số tiền đã bán hàng cho khách. Từ tháng 11/2022 đến ngày 05/1/2023, N và T nhiều lần chiếm đoạt tiền, với tổng số tiền chiếm đoạt là 73.554.000 đồng tuy nhiên do T nghỉ việc trước khi bị phát hiện nên phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền chiếm đoạt là 70.726.000 đồng.

Phùng Thị Thanh H là nhân viên lau dọn tại cửa hàng biết hành vi chiếm đoạt tiền nêu trên của T và N nhưng không tố giác hành vi phạm tội, không thông báo cho chủ cửa hàng hoặc cơ quan Công an biết.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Hương N và bị cáo Phùng Thị Thanh T có đủ dấu hiệu cấu thành tội: **Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thanh H có đủ dấu hiệu cấu thành tội: **Không tố giác tội phạm** được quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo tội danh chỉ dẫn trên là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Hương N và bị cáo Phùng Thị Thanh T phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, Bị cáo N và T đã tự nguyện bồi thường khắc phục thiệt hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, bị cáo H nên:

Bị cáo N trong thời gian điều tra truy tố đã có thai và sinh con vào ngày 27/11/2023 vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm I, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sư.

[4] Về hình phạt chính và biện pháp chấp hành hình phạt:

Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Khi phạm tội các bị cáo đủ 18 tuổi, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân vẫn cố ý thực hiện. Xét tính chất mức độ cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, rủ rê, chuẩn bị trước. Tuy nhiên để đánh giá trách nhiệm hình sự của các bị cáo Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi, nhân thân của từng bị cáo để cá thể hóa trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Hương N có vai trò đầu vụ và chủ yếu, Phần lớn số tiền chiếm đoạt được N là người được hưởng lợi, bị cáo T chỉ hưởng lợi có 4.000.000 đồng nên bị cáo N phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo T.

Xét thấy bị cáo N chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và có 03 tình tiết giảm nhẹ Trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bị cáo N liên tục chiếm đoạt tiền của bị hại với số tiền lớn thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo vì vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét thấy, bị cáo Phùng Thị Thanh T chỉ là vai trò thứ yếu, số tiền bị cáo T được hưởng rất nhỏ trong số tiền bị cáo và bị cáo N chiếm đoạt được. Bị cáo T tuy phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS nhưng bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T có nhân thân tốt. Ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng có khả năng tự cải tạo và xét thấy không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù đối với các bị cáo, việc cho các bị cáo T được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Thanh H được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm i, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo H có nhân thân tốt. Ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng có khả năng tự cải tạo và xét thấy không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù đối với các bị cáo, việc cho các bị cáo H được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về phần dân sự: Bị hại đã nhận số tiền 25.000.000 đồng bồi thường của bị cáo T và không yêu cầu bị cáo T, bị cáo H bồi thường số tiền đã chiếm đoạt mà chỉ yêu cầu bị cáo N phải bồi thường nốt số tiền 7.554.000 đồng đã chiếm đoạt. Vì vậy bị cáo N có nghĩa vụ phải bồi thường tiếp số tiền chiếm đoạt còn thiếu là 7.544.000 đồng cho vợ chồng Anh H .

[7] Về biện pháp tư pháp:

+ 1 quyển sách khổ giấy A4, ngoài bìa có in chữ "Zenlish học Toiec 1 lần là đạt" không giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 chiếc cặp giả da màu đen bạc, kích thước 38cmx32cm không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. .

+ 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng) trả cho vợ chồng Anh H

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hương N và bị cáo Phùng Thị Thanh T phạm tội **"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản",** bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phạm tội **"Không tố giác tội phạm"**

1. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, n, s khoản 1Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hương N **30 (Ba mươi)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phùng Thị Thanh T **24 (Hai mươi bốn)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H **10 (Mười)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phùng Thị Thanh T cho UBND xã Phú Sơn – huyện Ba Bì - thành phố Hà Nội để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thanh H cho UBND xã Phù Lưu – huyện Ứng Hòa - thành phố Hà Nội để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo Cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp:

+ Buộc bị cáo H nộp truy thu số tiền 2.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy 1 quyển sách khổ giấy A4, ngoài bìa có in chữ "Zenlish học Toiec 1 lần là đạt" .

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cặp giả da màu đen bạc, kích thước 38cmx32cm.

+ Trả cho vợ chồng Anh H số tiền 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng) bị cáo N tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả.

4. Về phần dân sự: Bị cáo N có nghĩa vụ bồi thường cho vợ chồng Anh H số tiền còn thiếu là 7.544.000 đồng.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Mỗi bị cáo phải chịu **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo N phải chịu **377.200 đồng** (Ba trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm.

- Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an quận Thanh Xuân;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- THADS quận Thanh Xuân;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hùng Lâm